

HỒ NGỌC NHUẬN

ĐỜI

Hồi ký

CHƯƠNG II

CỘNG SẢN DẬY

1940. THỢ XẮT THUỐC LÁ. - XẼO THỊT HAY CHẶT ĐẦU. - MỘT KỶ NIỆM Ở KHÁCH SẠN HÀ NỘI. - ÔNG TỔNG BÍ THƯ VÀ VỊ NI TRƯỞNG. - NGUY ... NẶNG. - ÔNG LÊ ĐỨC THỌ VÀ TIỂU ĐOÀN 304. - BA CHỤC NĂM QUA MỘT PHÚT NÀY.- ĐI ĐÂU CŨNG TIỆC VÀ TIỆC. - ĂN CÔNG TƯ HỢP DOANH VÀ ĂN QUÁN NHÀ. - CỤ ... CỤ MÊ CÁCH NÓI RÚT GỌN TRONG NAM. - NHẤT CỬ TAM TỬ TIỆN. - NGƯỜI ĐẸP CỦA DIỆP MINH CHÂU. - NHỚ CỤ MẪU. - CỤ HAY ... CỤ ? - ĐỨC GIÁM MỤC HUỲNH VĂN NGHI VÀ NĂM THỨ ĐẠO. - VÔ THỪA NHẬN. - CON GÁI CHỊ TÔI. - THƯƠNG MẸ VÔ CÙNG. - MỘT NGƯỜI TỪ GIẢ. -

1940

Trí nhớ miên man đưa tôi trở lại với hình ảnh chiếc xe ngựa chở gia đình tôi chạy nạn, bất ngờ bị chặn ở chợ Cổ Chi, xã Tân Hội Đông. Tôi nói gia đình tôi là gồm mẹ và các chị em tôi thôi. Còn cha, trong ký ức tôi, thường là ở đâu đó chờ ít khi ở nhà hay đi cùng gia đình.

Dân vùng quê tôi trong những năm này thường phải chạy nạn. Nhiều nhất là nạn máy bay Đồng Minh. Chạy lên kênh, vô các rừng tràm, rừng đưng bàng trong Đồng Tháp Mười. Nhưng sao lần này gia đình tôi lại chạy xuống thành phố Mỹ Tho, để bị chặn lại ở đây ? Bởi lần này là chạy nạn “ Cộng sản dậy ”, ngày nay gọi là “ Nam Kỳ Khởi Nghĩa ”. Không chạy vô rừng được, vì rừng là của mấy “ ông ”.

Trước đám người tay cầm dao, gậy, với vài cây súng lửa, tức súng bắn đạn rìa để săn chim săn thú, nét mặt hầm hầm, người sau cùng tái mặt chắc không phải mẹ tôi, nhất là khi một người vạm vỡ,

có vẻ là người cầm đầu, chồm lên xúc lấy một thằng nhỏ mang xuống xe. Thằng nhỏ đó là tôi. Và người xúc lấy thằng nhỏ là cậu Tư, em ruột của mẹ tôi. Ông đưa cao thằng bé lên khỏi đầu, cười ha hả một hồi rồi trả nó lại và cho xe đi. Hú vía !

Lại thêm một điếm báo trước số tôi phải gắn với những người bị rượt đuổi, bắt bớ ?

Người thợ xất thuốc lá

Ông ngoại tôi ngày xưa có lẽ làm nghề dựng nhà, nên đặt tên con toàn là Xiên, Xà, Chổng, Chỏi... Cậu Tư tôi tên Xiên, Mai Văn Xiên. Có người gọi ông là Tư Xuyên, nhưng tôi nghĩ tên ông phải là Xiên thì mới đúng với “ phong cách ” của nhà ngoại tôi hơn. Người lớn tuổi trong vùng nói cậu Tư tôi là người cầm đầu “ cộng sản dậy ” năm 1940 ở vùng các xã Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hội Đông... quận Châu Thành, Tiền Giang. Ông làm nghề xất thuốc lá mướn, vì vùng đó ngày xưa chuyên trồng thuốc lá, gọi là thuốc giống. Như ở làng tôi có người già bằng đạo. Ở làng tôi nhà nào cũng đờn đệm, cũng có mọt và chày già bằng. Cây bằng là loại cỏ thân ống, cao khoảng đầu người mọc thành rừng trong các bưng phèn ở Đồng Tháp Mười. Bao bằng ngày xưa dùng để dựng khô, muối, lúa... khi không có bao bố. Đệm bằng là thứ dùng để phơi lúa và làm nóp, một thứ túi ngủ thông dụng thay mùng đối với dân quê. Cây bằng phải già cho tương đối mềm mới đờn thành đệm, thành nóp được. Biếng già có thể nhờ người già đạo. Ngày nay không còn nghe tiếng chày già bằng nữa, tuy nghề bằng đệm đây đó vẫn còn nần ná, lôi kéo người nghèo. Thay người già bằng đã có người kinh doanh máy ép. Ở chỗ cậu Tư tôi nhà nào cũng trồng thuốc lá, nhưng không phải nhà nào cũng sắm dao xất, giống như loại dao trong các tiệm thuốc bắc, gắn trên một con ngựa gỗ, để người xất thuốc ngồi và vác đi ! Ngày qua ngày cậu tôi vác dao đi xất thuốc mướn khắp nơi. Chắc nhờ đi nhiều nên nghe thấy nhiều, được tuyên truyền nhiều. Trong trí nhớ tôi, ông to con, khoẻ mạnh hơn các anh chị em. Nghe nói đi đám giỗ nhà nghèo ông không bao giờ ngồi mâm. Và có lần hai tay xách hai tin nước, còn gọi là hũ nước, ông trở tài chạy đua với xe lửa, trong thời kỳ đầu đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho mới thành lập... Mà tại sao lại nổi hứng chạy đua với xe lửa ? Và chạy được bao xa, bao lâu ? Nhất thời có thể qua mặt nó trong vài khoảng cột dây thép, nhưng rồi sao nữa ?... Như các vùng quê khác ở miền Nam, quê tôi nổi tiếng có nghề võ. Phải chăng đây cũng là một cách thách đấu ? Thách đấu cả với máy móc của Tây... Quê tôi cũng có nhiều đảng cướp. Cướp có hẹn trước ngày đến. Cướp của nhà giàu chia cho nhà nghèo. Người đứng đầu thường khoe có gông, để búa tạ nện xuống ngực trước mặt đám đông đàn em, cho dao chém lên tay, lên đùi không... chảy máu. Đạn bắn nghe đâu cũng không lung ! Đa số chết trẻ ở đâu đó ít ai biết, vì lao tớn sau khi thoát chết vì dao búa. Không ngồi mâm trong đám giỗ nhà nghèo, chạy đua với xe lửa... phải chăng là cách cậu tôi thể hiện phong thái anh chị như mấy tay đầu đảng nằm phơi ngực trần hứng búa tạ ? Quê tôi cũng có nhiều bói, như mọi vùng sông nước đồng bằng sông Cửu Long. Và thầy pháp.

Bói là đạo chích dưới sông. Người dân vùng sông nước quê tôi lấy ghe thuyền làm nhà ở và kinh doanh buôn bán làm ăn là việc thường. Thời chiến tranh, ghe thuyền các gia đình chạy nạn san sát dọc các kênh rạch ở thành phố là vì vậy. Chiến tranh kéo dài, ghe mục bỏ ghe lên bờ, cất nhà chen chúc, không phải một lớp mà nhiều lớp, sống tạm qua ngày. Bờ hết chỗ chen, kể cả khi phải đóng cọc chồm ra sông, thì tràn vô các nghĩa địa, giành chỗ với người chết... “ Nghề ” trộm dưới ghe không gọi là trộm mà là “ bói ”. Nổi tiếng nhất là “ bói Ba Cùm ” miệt Bình Chánh, Bến Lức. Ai đi lại trên sông mà nói phét, khoe tài lừa được bói, không hề bị bói lấy trộm đồ, hãy coi chừng mắt nổi com đang nấu như chơi.

Thầy pháp, cùng với “ thầy chùa ”, là bác sĩ của làng. Đầu chít khăn đỏ, “ nghề của chàng ” là đọc thần chú, cho uống bùa, bắt ấn trừ tà để trị bệnh hay ếm cho người ta... chết.

Tin ở thầy pháp không hẳn là chuyện mê tín của dân bán khai lạc hậu. Từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, đó là chuyện phổ biến. Cách thức thực hành nhiều nơi giống nhau như đúc, dù việc giao lưu gần như không có. Hy-La cổ đại cũng hành nghề “ ếm ”. Ai Cập, Trung Hoa hay Ấn Độ cũng không từ. Chánh trường châu Âu trong nhiều thế kỷ rồi tung vì chuyện phù thủy : soán ngôi, phé truất, âm mưu, trả thù, chinh phạt, hỏa thiêu... đều có bóng dáng phù thủy. Tòa thánh La Mã cũng không đứng

ngoài, với cả tổ chức pháp đình và nhiều lệnh chỉ... Tận cuối thế kỷ 19 sách báo ở Pháp vẫn còn đầy chuyện bùa mê thuốc lú... Và ngày nay, như một dấu hiệu suy tàn, như một nhu cầu thay đổi, hay như một biện pháp cứu vãn... không thiếu người, không thiếu cả những cộng đồng, những tổ chức có gốc rễ trên dưới trăm năm cũng mê tín đến mức ôm nhau hát múa trên bờ vực và hện ngày tự sát tập thể. Mê tín gần như là một thứ hành trang vào đời của con người, sau bản năng. Nó còn bám riết con người cho đến tận bên kia thế giới. Như bây giờ người ta cúng cả đô la âm phủ vậy...

Xẻo thịt hay chặt đầu ?

Trong đám người cậu Tư tôi cầm đầu nổi dậy ở quê nhà, năm 1940, không thiếu những người đầu chít khăn đỏ, tay bắt ấn, nói như lên đồng, hay có học gông, đạn Tây bắn... không lúng. Tôi còn nhớ ở ấp Dương Hòa, làng Tân Hòa Thành, quê tôi, có ông Tư Gân đầu quấn khăn đỏ ngồi trên vai mấy anh trai tráng, chỉ chỗ ra lệnh cùng với mấy ông vượt ngục về từ Côn Đảo... Cách đây mấy năm có người đến trao đổi với tôi về việc sang lại miếng đất nền ngôi nhà thờ dòng họ Hồ ở xã Tân Lý Tây, quê ngụ của cha tôi. Người này có kể tôi nghe về việc cha ông ta đã bị cậu Tư tôi cho người bắt xẻo thịt cho đến chết. Tôi đem chuyện hỏi lại cậu Tám tôi, người em duy nhất còn sống của mẹ tôi, cậu nói cả vùng, nói chỉ cả làng, không hề có ai bị xẻo thịt. Ở Tân Lý Tây có hai người bị xử tử : ông hương cả bị chặt đầu, còn ông hương chánh bị “cưa đầu”.

– Tại sao cưa đầu, không chặt ? – tôi hỏi.

Cậu đáp :

– Làm sao tao biết ! Chắc để làm gương cho người ta sợ.

– Hai ông đó chắc ở ác lắm ? – tôi hỏi tiếp.

– Ác thì thiếu gì ! Tao nói là để làm gương mà. Đứng đầu đám làm làng, theo Tây là diệt. Không diệt sao gọi là nổi dậy...

Đây là tôi viết theo lời kể của cậu Tám, em trai mẹ và cậu Tư tôi, còn cậu có trực tiếp chứng kiến hay không, tôi không biết. Nhưng chuyện có mấy ông hương chức hội tề bị mấy ông cộng sản nổi dậy, cầm đầu là cậu Tư tôi, giết chết ở quê ngoại tôi năm 1940 là chuyện ai cũng biết.

Một kỷ niệm ở khách sạn Hà Nội

Năm 1975, tôi được cho đi Hà Nội trong đoàn đại biểu Saigon dự lễ Quốc khánh 2-9. Sau khi gặp thoảng qua “ông anh 30” của tôi ở trường Nguyễn Ái Quốc, tôi được đưa đến ở khách sạn Thăng Lợi trên bờ hồ Tây, cùng với nhóm nhân sĩ trí thức Saigon. Trong nhóm tôi còn nhớ có hòa thượng Thích Trí Thủ, hòa thượng Thích Thiện Hào, linh mục Chân Tín, linh mục Nguyễn Huy Lịch, hòa thượng Thích Hiền Pháp, hòa thượng Thích Minh Nguyệt, linh mục Nguyễn Ngọc Lan, ni sư trưởng Huỳnh Liên, nữ nghệ sĩ Kim Cương, nhà văn Vũ Hạnh, giáo sư Lý Chánh Trung, bà Ngô Bá Thành, luật sư Trần Ngọc Liễn, anh Nguyễn Văn Hạnh, thầu khoán, nhà tư sản dân tộc... Khách sạn tiêu chuẩn cỡ ba sao, mới toanh, có phòng trà phục vụ tới khuya, có bia để sẵn mỗi tối ở mỗi buồng... một chai, có phòng cắt tóc riêng cho quý bà, quý ông. Đến nỗi anh Ba Ca, nguyên bí thư Tỉnh ủy Gia Định, phó trưởng đoàn, cứ theo kêu tôi cắt tóc cho bằng được trước khi về Sài Gòn... Anh sợ tôi bị dính vô mấy vụ cắt tóc, xén quần khi về lại Sài Gòn hay anh muốn tôi hưởng cho bằng hết những tiện nghi của khách sạn mới ? Đảng nào thì cũng là ý tốt của anh và cũng thể hiện tấm lòng của anh đối với tôi. Vậy mà, khi về lại Sài Gòn, tôi vẫn phải đi viếng lại ông bạn già vốn quen cắt tóc cho tôi từ vài chục năm về trước... Nhưng chủ yếu cũng là để kể cho ông nghe chuyện Hà Nội. Anh Ba Ca còn có nhã ý mời tôi và vài bạn khác dự lễ cưới của con gái anh, một nhã ý mà đến giờ tôi vẫn nhớ. Đúng ra là một lễ tuyên hôn đơn giản mà thật đông vui đậm ấm, chỉ có kẹo bánh và nước trà, nhưng có chút ít rượu dàu, rượu cam hoặc bia hay không thì tôi không nhớ, chắc vì không có cái cảnh “yô, yô” thường thấy như bây

giờ. Bây giờ, cứ mỗi lần tham dự một đám cưới linh đình tốn kém quá đáng là tôi cứ tự hỏi dấu hiệu của giàu sang văn minh tiến bộ có bắt buộc phải như vậy không, hay đó là bộc lộ quá lộ liễu của sự so le giữa tầng trưởng vật chất và phát triển văn hóa ? Tuy nhiên cũng không ai muốn thấy kéo dài cái cảnh đạm bạc làm đám cưới chỉ với nước trà bánh ngọt mãi...

Ở khách sạn Thăng Lợi còn có hai mươi lăm đoàn khách nước ngoài đến dự lễ. Số đoàn khách đến Hà Nội đông hơn nhiều, nhưng ở rải rác nhiều nơi, tùy tiêu chuẩn, vì tiêu chuẩn hình như là một đặc trưng nổi bật của các xã hội xã hội chủ nghĩa, từ phương tiện đi lại, áo quần nhà cửa cho đến cân thịt ly sữa... Như lần tôi được đi Liên Xô dự một hội nghị năm 1979, tôi “buộc” phải ăn sáu quả trứng gà vào buổi sáng cùng với vài món khác, và đi Hà Nội lần này là uống cà phê sữa với lượng sữa gấp đôi cà phê. Hỏi tại sao, có cô phục vụ đáp : vì đó là tiêu chuẩn của bác... Tôi thấy có mấy đoàn Châu Phi vô ra khách sạn Thăng Lợi chỗ tôi ở, còn đoàn Trung Quốc, Liên Xô ở đâu tôi không biết. Các đoàn thuộc các đảng anh em khác ở các nước Đông Âu hay Tây Âu ăn ở những đâu tôi cũng không biết... Sau này, khi thường xuyên ra ở nhà trọ được gọi là “khách sạn” Giảng Võ, đêm đêm nằm nghe gió mùa Đông Bắc lọt cửa sổ, hay mỗi lần ký bản giao nhận cái tách, cái ly trong buồng với nhân viên nhà trọ – còn như cái chốt cửa hư thì khỏi ký – theo nội quy khách sạn thời bấy giờ, tôi lại thấy chập chờn trong trí hình ảnh những chai bia mấy bà trong đoàn, trong đó có ni sư Huỳnh Liên, đem chất đầy phòng tôi ở Thăng Lợi ngày nào. Ở Thăng Lợi ngày nào đoàn trí thức Thành phố chúng tôi cũng có tiêu chuẩn mỗi người mỗi đêm được phân phối một chai bia, bất luận sư, cô, các bà hay các cha... Không biết vì thương hay vì ghét tôi, các vị này không hẹn mà cứ đem chất đầy phòng tôi thay vì trả lại...

Ông Tổng Bí Thư và vị Ni Trưởng

Các ông lãnh đạo ở Hà Nội chia nhau đến thăm. Mà luôn đi từng đôi. Riêng bác sĩ Trần Duy Hưng, “Đô trưởng Hà Nội” từ thời kháng chiến chống Pháp, thường xuyên đến một mình. Khi thì để mời đi ăn bánh tôm Hồ Tây. Khi thì để cùng ăn bánh trung thu thường trăng ngay Bờ Hồ. Mặc dù Trung Thu năm ấy có bão nhỏ, trời âm u, không trăng. Ông còn hào phóng cho tôi gọi điện thoại đường dài hàng giờ mỗi đêm để đọc bài cho anh Dương Văn Ba trực tòa soạn báo Tin Sáng mà sau đó không chịu tính tiền cước. Anh Nguyễn Ngọc Lan cũng thường xuyên gọi điện về Sài Gòn, không phải cho báo Đứng Dậy của anh, mà cho Tin Sáng, vì có lúc hai anh em chúng tôi phải chia nhau đi dự các cuộc gặp mặt khác nhau, và Tin Sáng như đang có hai ông chủ bút ở Hà Nội, như hồi nào ở Sài Gòn, trước năm 1975...

Cũng một mình đến thăm, tôi nhớ có anh Lê Hiếu Đằng, đại diện “Liên Minh các Lực Lượng Dân Tộc Dân Chủ và Hòa Bình” của... luật sư Trịnh Đình Thảo.

Ông Lê Duẩn đến với ông Phạm Hùng. Buổi gặp diễn ra thân tình trong phòng khách. Theo thói quen nghề nghiệp, tôi để chiếc máy thu băng loại bỏ túi lên bàn mà không thấy ai nói gì. Máy ảnh tôi cũng làm việc liên tục. Kỳ đó tôi đem theo khá nhiều phim, nhưng không đủ, phải lấy thêm của thầy Thiện Châu bên Pháp về.

Nhớ thầy Thiện Châu, cùng dòng Hồ Đắc với tôi ở ngoài đời, thầy tên Hồ Đắc Cư. Năm 1998 tôi và các anh nhà báo Tống Hồ Cầm, Nguyễn Thanh Long, Vương Đình Chử, Nguyễn Trung Thành... ở báo Giác Ngộ và Công Giáo & Dân Tộc, nhân đi tham dự Đại hội báo chí công giáo thế giới ở trụ sở Unesco, có đến thăm thầy ở chùa Trúc Lâm bên Pháp. Không ngờ bữa cơm chay thầy đãi hôm đó là bữa cuối cùng. Một tuần sau thầy mất, mặc dù đã hẹn sớm gặp lại nhau ở Sài Gòn !... Tôi cũng nhớ thầy Nhật Hạnh, một thời cùng tranh đấu cho Hòa Bình, và có đi thăm thầy ở Làng Hồng (Làng Mai) cách Bordeaux trên dưới trăm cây số, hồi 1994, nhưng không có cái may được gặp...

Ông Lê Duẩn nói cả buổi, nữ nghệ sĩ Kim Cương ngồi một bên, ni sư trưởng Huỳnh Liên xếp bằng tròn ngồi một bên chăm chú lắng nghe. Nhân lúc ông tạm dừng, ni sư tỉnh bơ lên tiếng :

– Ông nói tiếng gì này giờ tôi không hiểu gì hết !

Ai này không thể nín cười, ông Lê Duẩn cũng cười :

– Tôi nói giọng Quảng Trị hơi khó nghe, lại có tật nói lắp từ nhỏ ! “ Để tôi nói lại ” nhé...

Nói lắp, theo trong Nam, là nói cà lăm.

Sau đó ông Tổng Bí Thư đã “ để tôi nói lại ” mấy lần, về sự giống nhau và khác nhau giữa người có đạo và người cộng sản. Về lòng bác ái và sự đấu tranh... Theo ông, người cộng sản và người có đạo giống nhau ở lòng bác ái, nhưng người cộng sản có thêm một thứ, đó là sự đấu tranh...

Và ni sư trưởng, sau cùng, đã có một nụ cười ai thấy cũng thương : có lẽ vì lòng bác ái, ni sư không nỡ đấu tranh để ông TBT phải nói lại nữa...

Nguy... nặng

Ông Lê Đức Thọ và ông Xuân Thủy, như đã quen đi với nhau từ hồi Hội nghị Paris về hòa bình Việt Nam, cùng đến thăm chúng tôi ở Thăng Lợi, trong chuyến đi đầu tiên của chúng tôi tại Hà Nội.

Gần như chỉ một mình ông Lê Đức Thọ nói, còn ông Xuân Thủy thì đi vòng vòng sau lưng chúng tôi, thỉnh thoảng mới chêm vào một câu. Như khi ông Thọ nói đến tiếng “ nguy ” là tiếng cần phải bỏ đi, không nên dùng nữa, thì ông Xuân Thủy phụ họa : “ Bây giờ mà còn dùng chữ nguy thì sẽ bị... mất cái đầu nặng ! ”. Hai ông nói, tôi mới nhớ hồi 1968, khi gặp anh Phạm Văn Ba và các anh trong đoàn MTDTGP ở Paris, tôi đã từng lưu ý các anh về việc này. Ai đời, khi trích lời người ta phát biểu để làm lợi cho mình, mà cứ gọi người ta là nguy này nguy nọ thì... “ chơi với ai ” ! Đó là lúc tôi là một dân biểu đối lập ở Hạ nghị viện Sài Gòn.

Mới đây, trong mớ tài liệu báo cũ, một văn bản ố vàng vô tình đập vào mắt tôi, với nội dung nguyên văn như sau :

Cục Báo chí Xuất bản, Số 06/BCXB

Kính gửi : các cơ quan Thông Tấn Xã, Đài Phát Thanh và Đài Truyền Hình, các Báo chí Miền, Thành phố và các Tỉnh.

Chấp hành ý kiến của lãnh đạo, chúng tôi xin thông báo đến các đồng chí được rõ :

Kể từ nay, các bài viết đăng trên báo và phát trên đài, ta nên thống nhất dùng chữ “ những người trong quân đội và chánh quyền của chế độ cũ ” thay cho chữ “ nguy quân và nguy quyền Saigon ” đã dùng trước đây.

Mong các đồng chí chú ý thực hiện đúng.

Ngày 17 tháng 2 năm 1976

TM Ban lãnh đạo

Cục Báo chí Xuất bản

(ký tên và đóng dấu)

T.T.T.

Không cần phải chú ý lắm, ai cũng thấy giữa “ *ý kiến của lãnh đạo* ” trên công văn thượng dẫn và những gì được thường xuyên nghe thấy thực tế trên báo đài ngày nay, về cái chế độ ở miền Nam trước đây, là cả một khoảng cách dài đến... 25 năm. Hay nói cách khác là bằng... “ hai thế kỷ ”, bởi ta đang ở năm 2001 !

Tại sao có sự cách biệt giữa lời nói và việc làm, hay chính xác hơn là giữa “ lời nói trên công văn ” và “ lời nói trên đa số báo đài ngày nay ” như vậy ?

Nếu chú ý, ta thấy công văn nêu rõ “ chấp hành ý kiến của lãnh đạo ”, nhưng lãnh đạo nào, cụ thể là ai ? Câu hỏi này không phải chỉ có người viết và người đọc đặt ra, mà các cấp cán bộ thừa hành, hay các cấp lãnh đạo khác, cũng “ thắc mắc ”. Mà hễ còn thắc mắc thì còn vướng, khi làm. Mà cái vướng giữa các cấp lãnh đạo với nhau trong đảng, giữa các anh Năm anh Bảy anh Mười từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên là triền miên...

Nếu chú ý một chút nữa, ta thấy công văn đề gửi báo chí của Miền, tức miền Nam, chứ không gửi cho báo chí miền Bắc, hay cho toàn quốc. Và đề ngày 17/2/1976.

Lúc đó rõ ràng là chỉ sau “ Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc về mặt Nhà nước ” không đầy ba tháng và Quốc hội thống nhất cũng chưa được bầu. (Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc về mặt Nhà nước diễn ra giữa hai đoàn đại biểu Bắc, Nam tại Sài Gòn từ ngày 15/11/1975 đến ngày 20/11/1975, và Quốc hội thống nhất được bầu ngày 25/04/1976).

Có phải vì các lẽ trên mà hiệu lực của nó là như vậy chăng, tôi không biết... Nhưng cho tới giờ này, năm này, mà cái tiếng “ nguy... nặng ” vẫn còn chánh thức dai dẳng ở đâu đó, và vì lẽ gì, thì tôi cũng không biết luôn...

Ông Lê Đức Thọ và Tiểu đoàn 304

Tôi lại để chiếc máy ghi âm nhỏ xíu lên bàn và thỉnh thoảng bấm máy ảnh. Nhóm đại biểu chúng tôi có đủ thành phần, nhưng ông Lê Đức Thọ nói như coi hầu hết chúng tôi là nhà báo. Ông than phiền về việc báo chí Sài Gòn gọi mấy ông cán bộ mới ra lò sau tháng Tư năm 75 là “ mấy ông ba mươi ”, là “ tiểu đoàn ba lẻ bốn ” ! Chắc nhiều người còn nhớ Tin Sáng vốn “ có tài ” đặt tên riêng, nhất là anh “ Tư Trời Biển ”. Như “ Phú Đầu Rồng ” là để chỉ Dinh Độc Lập, vì nơi đó là tượng trưng cho quyền lực tối cao của đất nước, nhưng cũng vì, không hiểu sao, khi kiến trúc sư Ngô Viết Thụ hoàn thành chính trang dinh thự này, tôi lại thấy cái mặt tiền của nó giống như cái hàm một con rồng (còn cái tượng đài tôn vinh tinh thần quốc tế viện trợ, giữa cái hồ nước to, ở ngã tư Trần Quý Cáp, Võ văn Tần – Duy Tân, Phạm Ngọc Thạch, thì tôi gọi là “ đuôi rồng ”, theo đúng “ sách của mấy ông thầy Tàu coi tướng số và mạch đất ngày xưa ”). Như “ Sáu Thọ ” hay “ Dượng Bảy Mỹ Tho ” là để chỉ Nguyễn Văn Thiệu, vì “ cô Bảy ”, vợ tổng thống là người gốc Mỹ Tho. Như “ Viện Dưỡng Lão ”, “ Viện Nhi Đồng ” là Thượng và Hạ Nghị Viện Quốc Hội VNCH v.v... Các “ ông ba mươi ”, tức 30 tháng 4, hay “ tiểu đoàn ba lẻ bốn ”, 30-4, chắc không khỏi xuất hiện vài lần trên Tin Sáng.

Ông Thọ nhắc nhở : cái tên “ cách mạng ba mươi ” không chỉ đưng đến một số người nào đó chạy chặt đường phố sau 30 tháng Tư 1975, nó còn làm “ xúc động ” không ít các cụ đã đi làm cách mạng từ đầu những năm 30 của thế kỷ 20 mà ngày nay được gọi là lão thành cách mạng. Nhưng dù đó là những “ ông ba mươi tân thời ”, của giờ thứ hai mươi lăm đi nữa, thì họ cũng có phần đóng góp tích cực, không thể thiếu của mình. Ví như những giọt nước cuối cùng, những giọt nước thật nhỏ nhưng cũng vô cùng cần thiết để làm tràn cái ly... Ông Thọ đề nghị nên trân trọng thật sự mọi đóng góp ở mọi thời kỳ và tránh tối đa làm tổn thương đến đa số đồng bào có hoàn cảnh đặc biệt ở miền Nam, điều mà không phải lúc nào và ai cũng nhớ...

Ba chục năm qua một phút này

Nhắc chuyện đi miền Bắc lần đầu, năm 1975, mà không nhắc các nhà báo, nhà văn là một thiếu sót. Mà có nhắc chắc cũng không tránh khỏi sót ...

Nhóm nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ Sài Gòn chúng tôi đã được làng văn, làng báo và các làng nghệ sĩ ngoài đó chiếu cố hết mực.

Mấy chữ sau đây của nhà thơ Chế Lan Viên, gởi anh Nguyễn Ngọc Lan và tôi, ngày 03-9-1975, là một ví dụ :

“ Kính gửi : Anh Nguyễn Ngọc Lan, Anh Hồ Ngọc Nhuận

Chúng tôi nghe nói mai không có hai Anh, rất tiếc. Hình như tiêu chuẩn thì anh Lan đi với các linh mục và anh Nhuận đi bên phía nhà báo. Nhưng tôi và anh Bảo Định Giang thì lại thấy các anh là nhà văn đấy. Vì vậy các anh trốn phía bên kia một buổi mà về chơi phía tụi tui. Nếu không thì cũng khó có dịp gặp lại. Thân ái.”

Tại sao phải “ trốn ” ? Và tại sao “ cũng khó có dịp gặp lại ” ? Bởi vì non một tháng đoàn ở Hà Nội là non một tháng dày đặc chương trình tiếp xúc, gặp gỡ với tất cả các giới, mà vì thương, vì nhớ, vì muốn gặp mặt..., nên ai cũng muốn một số người trong chúng tôi là “ có đủ tiêu chuẩn ” để gặp hết mọi người. Khiến riêng tôi đã ngã bệnh hết một ngày, phải nhờ anh Sáu Tường Nguyễn Vĩnh Nghiệp (trưởng đoàn) cạo gió. Và đã được nhà văn Nguyễn Đình Thi mời riêng về nhà ăn một bữa cơm gia đình, có canh măng, có rau muống luộc... cho lại sức, sau nhiều ngày nếm đủ sơn hào hải vị, nhậu quắc cần câu, và vì tôi không biết ăn thịt chó. Cứ mỗi lần đụng thịt chó, như ở nhà nhà văn Tô Hoài bên sông Tô Lịch, hay ở báo Văn Nghệ của nhà thơ Bảo Định Giang... là tôi cứ đậu phộng rang mà làm tới tới với rượu cuộc lủi, cho kỳ tới bên mới thôi... Đó là chưa kể các cuộc gặp ở các nhà máy, các địa phương, hay với các nhà lãnh đạo... tư tưởng, như ông Tố Hữu hay ông Hoàng Tùng... Chưa kể các đồng hương miền Nam, như thiếu tướng Tô Ký... Chưa kể đám cưới con gái anh Ba Ca. Nhưng đám cưới con gái anh Ba Ca là một đám “ tuyên hôn ”, mà lần đầu tôi được biết, chỉ uống trà ăn kẹo, không có nhậu, nên cũng đỡ. Tôi nói “ nhậu ” là nói nôm na theo trong Nam, “ tiệc nhậu ” là tiệc có bia, có rượu, và có “ cụng ”. Còn có “ yô ” hay không thì tôi không thể nhớ.

Đi đâu cũng tiệc và tiệc

Có một bữa tiệc có thể nói là đông đảo nhất mà từ trước tôi chưa bao giờ dự, đó là buổi Trung Ương Đảng và Chính Phủ dành chiêu đãi các đoàn đại biểu miền Nam, mà trong bài “ Những giây phút cảm động đó...” anh Lê Hiếu Đằng đã kể lại trên Tin Sáng :

“... Những cái hôn thắm thiết, những bàn tay siết chặt tương chừng như không muốn rời ra, những tràng cười thoải mái, cởi mở... Tất cả tạo nên một bầu không khí thắm đượm tình nghĩa đồng bào, đồng chí. Đúng như Bác Tôn đã nói : “ Đây là cuộc Bắc Nam sum họp một nhà cảm động và đông đủ nhất.”

Nhưng một trong những điều đã để lại trong tôi ấn tượng sâu sắc là hình ảnh các linh mục Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín, Nguyễn Huy Lịch ngồi bên đ/c Lê Duẩn, Lê Thanh Nghị, Hoàng Văn Hoan, Xuân Thủy nói cười vui vẻ và cùng nhau nâng cốc mừng thắng lợi ; hình ảnh của giáo sư Lý Chánh Trung, người trí thức “ tìm về dân tộc”, miệng vẫn ngậm tẩu, thủ vị đứng nghe anh Xuân Thủy đọc thơ ; hình ảnh của một Kim Cương mà phong cách vẫn rất là “ Sài Gòn ” ngồi nghe đại tướng Võ Nguyên Giáp nói về vở kịch “ Lá Sầu Riêng ” của mình ; hình ảnh một Hồ-Ngọc- Nhuận-nhà-báo xông xáo chạy đi chạy lại để chụp những tấm hình “ ăn ý ” nhất cho những số báo Tin Sáng tới...”

Đúng như lời Chủ tịch Tôn Đức Thắng mà anh Đằng đã ghi lại, đây là “ một cuộc Bắc Nam sum họp một nhà cảm động và đầy đủ nhất ”. Nhưng cảm động nhất và đầy đủ nhất có lẽ là mấy lời run run “ để cùng nhau ăn cơm ” của ông cụ, mà anh Đằng quên ghi, nhưng Tin Sáng có đăng. Thật đúng là một ông già Nam Bộ.

Còn một buổi tiệc nữa mà anh Nguyễn Ngọc Lan và tôi cũng khó quên, nhưng sẽ kể sau ...

Anh Lan và tôi đương nhiên là có đi thăm hội nhà báo và các tòa báo, trong đó có tờ “ Le courrier du Việt Nam ” của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện. Còn đọng lại trong tôi có hai bài thơ, một là bài “ ĐỀ GHI ” của Yên Thao và một của Hồ Đan Tâm “ *thân mến tặng ĐOÀN nhà báo Sài Gòn tới thăm báo Hà-Nội Mới* ”. Hai bài thơ như nói lên tất cả, thay cho tất cả.

Bài ĐỀ GHI, Yên Thao tha thiết :

Bấy lâu một nước mà xa

Duyên kia ai rẽ nên ta nhớ mình

Đêm dài vẫn chắc bình minh

Thương trong im lặng cho tình càng sâu

Chừ đây sông đã nói cầu

Đường ra ngăn lại, lối vào gần hơn

Nắm tay Hà-Nội – Sài-Gòn

On bàn tay mở Trường Sơn những ngày

Phút vui đoàn tụ hôm nay

Mắt làm men rượu thêm say nghĩa tình

Duyên xưa ta hẹn với mình :

Qua đêm rồi, nở bình minh chan hòa

Bút đâu đâm giặc chẳng tà

Góp xây Tổ Quốc bao la đẹp giàu !

*

Lời quê ghép vội vài câu

Chẳng hay thời cũng buổi đầu ĐỀ GHI.

(Hà Nội 5.9.1975)

Bài ĐỀ TẶNG, Hồ Đan Tâm sôi nổi :

Tổ quốc quang vinh sạch bóng thù

Bắc Nam sum họp giữa mùa thu

Mùa thu năm Dậu cờ sao rợp

Rợp cả Sài Gòn, cả Thủ Đô.

Thu này vẫn lá cờ sao ấy

Bay rợp non sông của Bác Hồ

*Đất nước mừng nay liền một giải
Thu về vang dội tiếng hoan hô.*

*Hoan hô Đảng ta tài lạ lòng
Hoan hô quân, dân ta anh hùng
Hoan hô tiền tuyến, Thành Đồng vững
Vượt mọi gian lao đánh đến cùng.
Hoan hô hậu phương, lũy thép chắc
Đánh giặc khắp nơi, thắng lẫy lừng
Hoan hô bầu bạn khắp thế giới
Giúp ta tiêu diệt kẻ thù chung.*

*Và ta còn phải hoan hô ta
Nhà báo thân thương của nước nhà
Các anh cầm bút trong lòng địch
Chúng tôi cầm bút giữa trời ta
Hoàn cảnh khác nhau nhưng mục đích
Vẫn là đuổi Mỹ hạ lâu la
Chúng ta đã đánh và đã thắng
Góp công tô thắm lại sơn hà.*

*Hoan hô các anh chiều hôm nay
Ngàn dặm quan san mang lại đây
Mối tình non nước, tình đồng nghiệp,
Ba chục năm qua, một phút này !
Hoan hô các anh, thân mến tặng
Bài thơ viết vội, viết chưa hay,
Nhưng mà chân thật, mà man mác
Tình nghĩa nâng niu những tháng ngày .
(HN, chiều 5.9.75)*

Trong một buổi gặp thân mật khác – nhưng cuộc gặp nào mà không thân mật trong những ngày đoàn viên khó quên ấy – có một cụ lão thành chủ tọa. Vì là thân mật nên nghĩ sao nói vậy, có khi nói không kịp nghĩ là thường. Khi tôi được giới thiệu là chủ bút báo Tin Sáng vừa là một cựu dân biểu Sài Gòn, cụ chủ tọa buột miệng nói: “ Nếu là ngày xưa thì không chừng đã bắn bỏ đấy ! ” Rồi cười xòa.

Trong đoàn ai cũng phải có vài lời. Tới phiên tôi, không biết có phải vì câu “ nói cho vui ” vừa rồi của cụ chủ tọa đã khiến cho tôi quỳnh hay không mà cái gì tôi không nói, lại đi kể câu chuyện của một ông bạn nhà giáo của tôi dạy sử địa ở Sài Gòn. Ông bạn tôi nói rằng, đối với anh, bản đồ Việt Nam như cái bình bông. Phía trên là bông hoa, còn phía dưới là... Tất nhiên anh không nói phía dưới là màu mỡ để nuôi hoa ở phía trên, mà chỉ là nước... Nhiều người vỗ tay, nhưng tôi liếc thấy có người chẳng những không vỗ tay mà còn thúc cùi chỏ vào một người đang vỗ. Hôm khác, anh Chế Lan Viên nói với tôi : “ *Cái kỳ cục nhất là người được nịnh lại vỗ tay !* ”

Có lần, ở Sài Gòn, anh Trần Bạch Đằng cũng nói với tôi, về một vụ khác : “ Bợ... cũng vừa phải thôi, bợ... quá người được bợ cũng không chịu nổi, nhột đấy... lắm ! ”

Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật chiêu đãi một buổi thật linh đình, ở nhà hàng Phú Gia. Nhiều người góp vui ca hát, mà tôi chỉ nhớ nhạc sĩ Đỗ Nhuận, người bè thế và giọng thật khỏe. Buổi tiệc thịnh soạn không thua gì ở một tiệm nhất nhì Chợ Lớn thời cũ hay Sài Gòn thời Đổi mới, khiến đoàn Sài Gòn thật thích thú. Hỏi ra mới biết đây là cửa hàng “ công tư hợp doanh ” bán buôn thoải mái. Hội thêm, được biết : thực đơn, “ nhậu đơn ”, giờ giấc, phép tắc phục vụ, cung cách “ thầy xu ” (tính tiền)... cũng thoải mái luôn. Bước ra khi tan tiệc, tôi còn ngoảnh nhìn lên bảng hiệu : bốn chữ “ CÔNG TƯ HỢP DOANH ” đắp bằng xi măng nổi lên lồ lồ.

Ăn Công Tư Hợp Doanh và ăn Quán Nhà

Anh Lan và tôi một bữa trốn đoàn, đi dạo phố. Đến trưa ghé lại cái “CTHD” thoải mái hôm nọ để... thấy treo chần vằn bên ngoài cửa tấm bảng “ nghỉ bán ”. Bên trong, nhân viên phục vụ đang lau nhà, rửa chén và... bỏ bụng ! “ Nghỉ bán ” hay “ bận họp ” là cái mà anh Lan và tôi cũng đã bắt đầu làm quen rồi. Nhưng đây là cái “ công tư hợp doanh thoải mái ” chúng tôi đã ăn rồi mà ! Và chúng tôi có trề tràng gì lắm đâu ! Chỉ nghĩ : đến quá trưa một chút cho thật đói, ăn ngon và cho đỡ khách... Không được ăn CTHD thì ăn vỉa hè hay đâu cũng được vậy ! Khốn nỗi, cuộc bộ thêm cả buổi, run cả giò, rã cả ruột mà không tìm đâu ra chỗ ăn, dù là phở ! Cả hai chúng tôi lại thuộc loại “ thầy cơm ”, “ nắng không ưa, mưa không chịu ”, mà nếu “ đói ”... thêm vài thứ khác cũng không chịu nổi luôn. Đến nỗi không còn sức đâu để pha trò nữa, mà nếu bị ai chọc lét đúng lúc đó chắc sẽ nổi đóa... Quanh quần hồi lâu, may gặp cứu tinh là nhà văn Hải Triều lơ ton đi tới. Anh vui mừng mời thết chúng tôi một bữa xúp lơ, trong một “ quán nhà ” gần đó. Cái “ quán nhà ” đó, và mấy cái “ nhà quán ” như vậy, chúng tôi đã đi qua không biết bao nhiêu lần mà đâu có biết ! Đó là một ngôi nhà để ở, được ngăn chia cho nhiều hộ, cả hàng ba hay hàng lang cũng ở và cũng bán quán được, miễn kín đáo. Vì kín đáo nên chỉ có dân “ thổ địa ” Hà Nội, hay dân thổ địa miền Bắc thì mới biết mà thôi.

Trong mấy tháng đầu sau tháng 4/1975, Sài Gòn chưa có chế độ CTHD. Nếu có thì chúng tôi đã biết, đâu phải khổ sở nhịn đói như vậy ! Còn ở Hà Nội, cho đến lúc chúng tôi ra là mấy chục năm, nên anh em ngoài đó có kinh nghiệm, nói ít hiểu nhiều. Công tư hợp doanh là mần ăn có nền nếp, giờ giấc khít khao như vậy đó...

Cũng như về “ công nhân xã hội chủ nghĩa ”. Trong mấy ngày chúng tôi ở khách sạn Thăng Lợi, có anh bạn Hà Nội đến thăm đã kể cho anh Nguyễn Ngọc Lan và tôi nghe câu chuyện về các chuyên gia cố vấn Đông Âu, cũng là xã hội chủ nghĩa, sang giúp các xí nghiệp Việt Nam. Có anh cố vấn một hôm, khi thấy một công nhân Hà Nội lao động tã tã, một giờ chỉ tiện được có mấy con bù lon, bèn kêu để anh ấy làm thử. Và đương nhiên là năng suất cao hơn rất nhiều. Người thợ Việt Nam lại lẳng lẳng làm tiếp, nhưng lần nầy thì năng suất lại nhiều lần cao hơn năng suất của anh cố vấn. Tại sao ? Đương nhiên là anh cố vấn phải trở mắt để hỏi tại sao làm giỏi như vậy mà không chịu làm ? Đơn giản là vì

chỉ ăn rau muống mà cứ thả giàn làm giò dài dài thì sẽ sớm đứt gân mà chết. Còn nếu được cho ăn thịt bò mỗi ngày như anh cố vấn kia thì ai mà không biểu diễn được ?

Nhưng khi đã bỏ cái QUỐC DOANH hay cái CÔNG TƯ HỢP DOANH đi, nhất là ở các cửa hàng ăn uống, là tôi lại tiếc ! Nhất là khi có các đám cưới. Đám cưới hồi còn các cửa hàng ăn uống quốc doanh hay công tư hợp doanh ở Sài Gòn là đúng tác phong công nghiệp lắm. Hồi đó, nếu ai đi dự trễ chừng nửa tiếng là coi như về nhà... lục cơm nguội. Nhà hàng hồi ăn không kịp, để kịp giờ dọn và đẹp. Còn bây giờ đám cưới Sài Gòn đã trở lại cái “ tệ ” cũ : ai đi đúng giờ là coi như “ ngố ”, vì thường là vài giờ sau mới được cho ăn.

Thời Tin Sáng bộ mới còn mở cửa, từ 1975 đến 1981, cứ mỗi khi ra Hà Nội dự họp, tôi thường đến thăm mấy nhà văn và đều được các anh dẫn đi nhậu. Cũng là các “ quán nhà ”, có khi phải mò leo lên cao, với vài ba bàn, nhưng thứ gì cũng có, nhất là đồ tây và rượu chát. Còn rượu tây thì thường là các anh mang theo. Đó là nhờ sự hiện diện của nhiều sứ quán nước ngoài và nhiều người đi công tác nước ngoài, kể cả các thủy thủ...

Thăm các anh như vậy cũng là để được nghe về Tin Sáng. Và nghe về Tin Sáng nhiều khi cũng là để nghe Tin Sáng đến với các anh khi trời khi sục, vì không hiểu sao thường bị kẹt với người đọc đây đó dọc đường. Đọc xong nó được chuyển tiếp đến đúng các địa chỉ đã là may...

Có mấy anh khi vô Sài Gòn cũng thường đến thăm anh em Tin Sáng. Còn có ai gửi bài đăng báo hay không thì tôi không nhớ hết, chỉ nhớ mình “ anh ” Nguyễn Tuân vì thư “ anh ” viết thường vừa rất cẩn thận, cẩn thận đến ghi cả cái tên thứ của tôi, thứ Mười, ngoài phong bì, như người trong Nam, vừa thân mật hóm hỉnh.

Cụ. . . Cù mê cách nói rút gọn trong Nam.

Nhà thơ Cù Huy Cận, trong một buổi cơm thân mật tại Tin Sáng, do tôi thết, đã tỏ ra thích thú với lối “ nói gộp ”, nói “ rút gọn ” ở trong Nam. Ở trong Nam người ta không nói ở “ trong ấy ” mà là ở “ trong ”. Người ở “ trong ” không nói ở “ ngoài ấy ” mà ở “ ngoài ”. Rồi thì anh ấy, cô ấy, chị ấy... lại rút thành “ ảnh ”, “ cô ”, “ chị ”...

Để phụ họa, tôi bốc : cách nói rút gọn này của ta còn gọn hơn cả tiếng Anh, từ hai tiếng biến thành chỉ một tiếng. Còn tiếng Anh, khi rút gọn, tiếng là một tiếng nhưng chữ là hai, hay một rưỡi : phải thêm cái râu và một chữ cái.

Nói vậy chớ cũng có mấy tiếng không rút gọn được như chú ấy, bác ấy... Còn cậu ấy thì nên tránh rút thành “ cậu ”...

Anh Sơn Nam, tác giả *Văn Minh Miệt Vườn*, một cây viết lâu năm của Tin Sáng thì “ cắt nghĩa đui ” : Để đến được mảnh đất này, ông bà ta phải trải qua biết bao khổ cực. Đường lại xa diệu vợi, với bao núi rừng, ghềnh thác hiểm trở, với bao thú dữ và đủ thứ giặc... Ôm gánh hết trên mình thì đi sao nổi và sao cho tới đích ! Cái gì rườm rà, không cần thiết thì quăng bớt, chỉ giữ lại cái cốt yếu thôi. Người ta đi chơi núi, chơi biển cũng vậy : lúc đi thấy cục đá nào cũng ham, cũng lượm ; lúc về, oải quá phải liệng bớt, đến nhà có khi còn lại một cục là may. Rút gọn tiếng nói cũng là cách tiết kiệm hơi sức dành làm việc khác vậy...

Nhất cử tam tứ tiện

Thư viện Tin Sáng cũng được dịp tặng nhà văn Nguyễn Công Hoan một cuốn tiểu thuyết... của chính nhà văn. Đàng biểu và đàng được biểu đều đặc biệt hân hoan : sách không là sách mới mà là một tác phẩm cũ của nhà văn, đã cạ từ lâu ở Hà Nội, ngay trong tủ sách riêng của tác giả. Còn ở

Sài Gòn trước 1975 thì khác, không có nhà văn tiền chiến nào, dù đang ở ngoài Bắc, mà không có tác phẩm được tái bản, đầy đầy...

Hai anh bạn cũ của tôi, anh Nguyễn Hữu Hiệp, cựu dân biểu, nguyên Phụ tá Bộ trưởng đặc trách liên lạc với Quốc Hội trong chánh phủ Trần Văn Hương, Trưởng Ban Tư Liệu Thư Viện Tin Sáng, và anh Trần Ngọc Bái, một nhà hoạt động xã hội, cũng làm ở thư viện Tin Sáng, là hai con “mọt sách”. Thời gian dài sau 1975, hai anh cho nhân viên thư viện gần như tuần nào cũng canh mua sách báo cũ ở lề đường. Mua rẻ, nhưng vẫn còn có giá hơn đốt bỏ, bán để gói xôi hay để nấu làm bột giấy. Thời đủ thứ khan hiếm, giấy viết phân phối cho học sinh không tính tập mà tính tờ, đen đến mức màu chì màu mực gần tiếp màu giấy dưới bóng đèn dầu; báo cũ tẩm màu – mà thường là báo Nhân Dân vì báo Nhân Dân có giấy in trắng tốt – dùng làm tiền âm phủ, nhất cử tam tứ tiện, vừa có tiền xài, cho người bán và cho bà con thân nhân ở bên kia thế giới, vừa có báo đọc, vừa vẫn thuốc hút hay làm cái gì khác cũng được; sách cũ, cả những tuyển tập đồ sộ nhất, lắm khi còn “cáu cạnh”, được “tận dụng” cho vô bồn quây để tái chế... Còn cái gì không xé, không gói, không đốt hay không luộc được thì sau này thỉnh thoảng có người tìm thấy dưới đáy giếng, thường là in khắc bằng chữ nước ngoài, trên một vài thiết bị máy móc gia dụng. Chị Nguyễn Phước Đại, luật sư, cựu nghị sĩ Quốc Hội, có lần “khoe” với tôi: cả bộ Dalloz (*Répertoire de jurisprudence* – Vựng tập án lệ Dalloz, Pháp) gom góp giữ gìn mấy mươi năm, chị bán bánh mì ở đầu đường đã vui vẻ mua lại của chị. Tôi nghe mà tiếc hùi hụi, vì không kịp tranh mua cho thư viện Tin Sáng.

Khi “hoàn thành nhiệm vụ”, hồi cuối tháng 6/1981, Tin Sáng đã tặng thư viện khá đồ sộ của mình, trong đó có thư viện riêng gom góp nhiều năm tôi làm giám đốc chánh trị và chủ bút Tin Sáng, cho Hội Nhà Báo Thành phố mà không riêng tặng cho một tờ báo nào. Nếu có, thì cũng lẽ tẻ một số phim ảnh hay tư liệu gì đó thôi. Ý tôi, khi tặng tất cho Hội Nhà báo, là để làng báo được xài chung!... Mới đây tôi gặp lại một anh từng là một cán bộ đặc trách Hội nhà báo, từ lâu đã chuyển công tác và nghỉ hưu. Anh cho biết thư viện Tin Sáng vẫn “còn đóng gói... để đó” và trước đây, anh còn “khoe” thêm, năm nào anh cũng kêu người... xịt mối. Tôi nghe cũng... mừng, nhất là sau đúng hai mươi năm! Ít ra là nó cũng không bị mối ăn hết...

Người đẹp của Diệp Minh Châu

Có lần chủ nhiệm Ngô Công Đức mời mấy nhà văn lão thành từ Hà Nội vô chơi và chiêu đãi đặc sản rắn rùa ở nhà nghỉ mát của anh bên Thanh Đa. Có nhà văn Tô Hoài, nhà thơ Lưu Trọng Lư, nhà văn Nguyễn Tuân... Sau cuộc tiệc, tôi lái xe đưa khách về, mà không ai chịu về ngay. Nhà văn Nguyễn Tuân ước gì “Mười Nhuận” đưa anh em đi một vòng Sài Gòn ban đêm. Còn nhà văn Tô Hoài lại kêu đi ăn phở, mà phải là phở Pasteur. Tôi lấy làm lạ, vì vừa mới “chén” xong, nhưng “cụ Tô” bảo đi ăn phở sau khi chén là một thói quen. Vì muốn ngã theo “cụ Nguyễn”, tôi nói đùa: “Hay là cụ Tô muốn ghé thăm cô hàng phở”? Không ngờ đó là sự thật, hay một nửa sự thật. Cụ Tô đáp nhanh: “Không phải của tôi mà là của Diệp Minh Châu. Ta ghé xem bức họa người đẹp của Diệp Minh Châu”.

Trên tường hiệu phở là bức họa bán thân “người đẹp của Diệp Minh Châu” thật. Và “người đẹp” thật, người đẹp chủ quán có bức họa bán thân trên tường, đang vồn vã tiếp chúng tôi, nếu tôi nhớ không lầm, có đến cả chục đứa con, theo cô cho biết, mà còn rất trẻ, rất đẹp. Tất nhiên là chúng tôi rất được hoan nghênh, dù chúng tôi đến quán khá muộn. Bởi không dễ gì có dịp được gặp một lượt mấy “cụ” trước nay chỉ được đọc, được học trong sách. Chuyện qua lại kéo dài cũng lâu, nhưng chung quy tôi nhớ cũng như buổi nào tôi gặp cụ Nguyễn lần đầu. Hễ tôi gọi nhà văn bằng cụ, bằng bác thì y như rằng bị đáp trả y chang, cho đến khi tôi chịu phép gọi cụ bằng anh. Trên đây có lúc tôi gọi nhà văn Nguyễn Tuân, nhà văn Tô Hoài bằng anh, mà trong ngoặc kép. Như vậy rõ ràng là cũng chưa thuần lắm. Ở đây, đêm nay, với một “anh” Nguyễn Tuân tóc tai bạc trắng, “em” hàng phở cứ che miệng cười hoài, hoặc luôn miệng “cháu chả dám...” nên chuyện cũng đủ dằng dai mà không ai thấy chán.

Tiệm phở ngày nào nay là một tiệm sắt. Còn chủ tiệm bây giờ có là cô chủ “xinh thật là xinh” ngày nào hay không, còn ở lại đây hay bỏ đi đâu rồi, tôi không biết.

Nhớ cụ Mẩu

Nhắc cụ Tuấn, tôi nhớ cụ Mẩu, hồi chúng tôi hợp tác ở Quốc Hội chế độ cũ hay ở chỗ đại tướng Dương Văn Minh. Lần nào gặp nhau, cụ Vũ Văn Mẩu và tôi cũng có vài “ miếng ” qua lại, trước khi nói đến bất cứ việc hệ trọng gì. Tôi gọi cụ thế nào thì cụ cũng gọi tôi thế ấy. Mà không lẽ tôi cứ lì ? Ác hơn, cụ còn bắt tôi gọi cụ bằng “ cậu ”, như cụ gọi tôi. Cứ vậy mà có lần cụ và tôi thách nhau uống quắc cần câu ở nhà ông tướng Mai Hữu Xuân trên Thủ Đức, khiến anh Phan Xuân Huy phải hộ tống tôi về, còn ai đưa cụ Mẩu về thì tôi nhớ hết nỗi. Đây là lần hiếm hoi cụ Mẩu uống rượu, dù cụ là nhà ngoại giao lâu năm của Sài Gòn.

Sau 1975 cho đến lúc cụ đi xa, thỉnh thoảng tôi đến thăm cụ ở đường Sương Nguyệt Anh, để nghe cụ kể chuyện đời xưa, ngày cụ còn làm tri huyện, hay nghe cụ giải thích về mấy chữ Hán, về vài điều luật dân sự, hay về quyền Tự điển tâm nguyên cụ vừa hoàn thành...

Cụ hay . . . cũ ?

Từ sau 1981, tôi đi họp Hà Nội rất thất thường – có thời gian tôi theo anh em tha phương làm ăn, hay “ làm mà không có ăn ”, tận Minh Hải, Tây Nguyên và qua tới bên Lào. Dịp gặp lại các anh ở Hà Nội gần như không có.

Nhưng nếu có đi họp, lần nào tôi cũng thấy có cụ Cù Huy Cận. Trông cụ thật khỏe, kể cả giọng nói. Một lần, tại phòng ăn tập thể ở nhà khách Hùng Vương, tôi “ hân hạnh ” được một đại biểu Sài Gòn giới thiệu là cựu chủ bút báo Tin Sáng, với... cụ ấy. Nhưng cụ ấy, hay ... “ cũ ”, có nhận ra tôi hay không thì tôi không nhớ. Mặc dù tôi thật khó có thể quên cái buổi chúng tôi cùng nhau tâm đắc về cái cách nói rút gọn, như “ cụ ấy ” lại thành “ cũ ”, ở trong Nam.

Đức Giám Mục Huỳnh Văn Nghi và năm thứ đạo

Chuyện của hai ông “ Lê ” Việt Nam ở Hà nội, Lê Duẩn với người cộng sản và người có đạo, và Lê Đức Thọ với những “ ông Ba Mươi ” mới và cũ... khiến tôi nhớ đến Đức Cha Huỳnh Văn Nghi, khi ông còn làm cha sở họ đạo Tân Định.

Anh Lê Xuân Tăng, trong nhóm Quận 8 chúng tôi, nguyên nghị viên Hội Đồng Đô Thành, thường nhắc đến “ cha ”. Với câu chuyện đích thân cha kể, khi còn giúp Chương Trình Phát triển Quận 8 chúng tôi mở lớp đào tạo cán bộ hợp tác xã tín dụng, vào khoảng giữa thập niên 1960. Vì thời đó, ngoài công tác phát triển cộng đồng xây dựng khóm ấp, hạ tầng cơ sở các loại, trường học, bệnh viện, cả đình chùa, thánh thất, anh em chúng tôi cùng đồng bào địa phương còn tổ chức nhiều hội tương tế và nhiều hợp tác xã. Hội tương tế là để người nghèo giúp đỡ lẫn nhau khi ốm đau, tang khó. Hợp tác xã là để bà con làm ăn nhỏ lẻ thiếu vốn, thiếu phương tiện ráp lại nâng đỡ lẫn nhau, tránh bị người lớn vốn chèn ép... Hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tiêu thụ, hợp tác xã sản xuất tiểu thủ công, hợp tác xã đánh bắt cá... Hợp tác xã tín dụng là một loại hình hoạt động tương đối mới, nên chúng tôi nhờ các chuyên viên tình nguyện của cha Nghi giúp huấn luyện cán bộ ban đầu. Và câu chuyện anh Lê Xuân Tăng kể về cha Nghi là một câu chuyện có thật, do chính cha kể.

Một sáng sớm, trước nhà thờ, một bà mẹ trẻ bồng con đang cố dỗ cho nó bú. Mà không được. Nó cứ giẫy nẩy, la khóc. Vừa lúc cha sở mở cửa nhà thờ bước ra, thằng nhỏ nín khóc ! Nó nín không phải vì cha có dáng một ông kẻ, mà vì mẹ nó dọa : “ Nín, bú đi con, kéo ông cha sẽ bú hết !... ”. Và sau đây cũng là một chuyện thật nữa, với cha.

Cha Nghi đã cho nhóm gọi là “ lực lượng 3 ” của chúng tôi làm một cuộc hội thảo tại hội trường nhà thờ. Một hội thảo lớp trong lớp ngoài, lớp trên lầu lớp dưới sân có thể có cả ngàn người dự, mà

một phần không nhỏ là công an chìm. Một hội thảo của “ lực lượng 3 ”, một “ lực lượng ” có người vậy người khác, người bên này bên khác, có người ưa người không, lúc ưa lúc không, cho đến lúc... phủ nhận hoàn toàn. Một hội thảo về một đề tài lúc ẩn lúc hiện, lúc buông lúc thắt, lúc bị đả kích lúc bị lờ đi và lúc nào cũng được mọi phía cảnh giác : đề tài “ Hòa giải hòa hợp dân tộc ”.

Tôi là một diễn giả. Một diễn giả khác là giáo sư Lý Chánh Trung. Trước khi hội thảo diễn ra, anh Nguyễn Ngọc Lan và tôi đã thỏa thuận : đến lúc thuận tiện nhất, giữa hội thảo, anh sẽ đứng lên hỏi tôi xem thành phần hay lực lượng thứ ba có được bao nhiêu người, và tôi sẽ đề cho cử tọa trả lời. Thỏa thuận này đã được thực hiện, nhưng không như chúng tôi dự tính. Một ai đó trong hội trường nửa chừng bỗng “ cướp micro ”, đột ngột hỏi tôi “ lực lượng ba ” có được bao nhiêu “ mống ”. Người hỏi không phải anh Lan, có thể là một người ủng hộ đột ngột cao hứng, có thể là một người muốn phá đám, nhưng không thể chần chờ. Tôi chuyển ngay câu hỏi cho cử tọa, yêu cầu ai thuộc lực lượng ba “ xin đứng dậy ”. Và hội trường đã hưởng ứng một cái... rần. Tiếng ghé bị xê dịch khua trên sàn nhà nghe thật đã ! Khí thế thật dễ lây, lúc bấy giờ. Nhưng chắc cũng có người đứng lên theo phản xạ.

Cậu Tư tôi và cái “ đạo cộng sản ” của cậu đã giúp tôi hôm đó có được phần mở đầu cho bài nói chuyện về hòa giải hòa hợp dân tộc, khi tôi ráp cậu với mấy ông đạo nhà tôi :

“ Cao Đài ăn hoài hết gạo ” là cậu Hai tôi. Cậu ăn ròn tương rau, thậm chí muối rau. Cậu mê kinh Cao Đài đến nỗi tự học đến biết chữ để đọc kinh. Nhưng kinh với kệ khác nhau thế nào cậu mặc kệ. Già rồi mới có một mụn con, cưng quá đặt tên luôn là thằng... Cung. Năm 1968, chính xác là vào ngày 07-9-1968, sau một trận đánh, đồng đội du kích chạy về báo tin thằng Cung đã hy sinh. Cậu Hai tôi tinh bơ tuyên bố : “ Phải vậy chứ, phải hy sinh với anh em chứ ” ! Nhưng khi hiểu ra hy sinh là “ ngum ” thì cậu cũng té ngum theo luôn, hồi lâu mới tỉnh. Tôi mới dựng bia cho anh Cung cách nay vài năm, bên cạnh mộ cậu và ông ngoại tôi. Để làm dấu, vì đất đai nông dân ngày càng vượt khỏi tay mình, thu hẹp, đổi chủ...

“ Cao Đài ăn hoài hết gạo ” là cậu trẻ nhỏ vùng tôi nghèo ngao suốt ngày không hề bị ai đánh, ai phạt, cùng với câu “ Đạo Phật ngồi gật đủ ăn ” và vài câu khác nữa...

“ Đạo Phật ngồi gật đủ ăn ” là mẹ tôi. Mẹ thường sai tôi đem nhang, đèn và dầu lửa đi cúng chùa, mỗi khi mẹ bận không đi được. Mẹ tôi còn hơn cậu Hai tôi một bậc vì bà biết chữ ... Tàu. Như cha tôi thường khoe : “ Các mẫu chữ A, B, C dễ ợt mà mẹ mày ráp hoài không thuộc, lại thuộc lâu mấy con xa pháo mã, tướng sĩ tượng... ”. Mẹ tôi có quy y theo đạo Phật, có pháp danh, mà không biết một chữ kinh làm thuốc. Cha thường cất chữ quốc ngữ cho mẹ ráp vần, nhưng riết rồi cũng nản. Giá có ai tóm gọn một bộ kinh vô trong một bộ bài tứ sắc, chắc có nhiều người thuộc kinh lắm. Có thể ít có ai như mẹ tôi : không thân phận gì lại dốt đặc, mẹ “ theo ông theo bà ” bằng thuyền bát nhã của thánh thất Cao Đài Mỹ Tho, trên có ông hòa thượng chùa làng tôi ngồi tụng, về yên nghỉ ở khu mộ dòng nhà họ Hồ, ở đầu làng có mấy ông cán bộ cộng sản cầm quyền địa phương cho trông chiêng đón sẵn. “ Ông anh Ba Mười ” của tôi ở Cần Thơ hay tin mẹ tôi mất, chạy về nói : “ Công lao nhiều nhất là của mẹ già này ! ”. Ông ý lớn tuổi nên gọi mẹ tôi là “ mẹ này mẹ nọ ”... Nhưng cũng là vì ông thật tình thương tiếc mẹ tôi, một người dốt nát suốt đời tận tụy...

“ Thiên Chúa có lúa ăn hoài ” là tôi. Vì tôi học trường Dòng, nên thuộc kinh Công giáo cũng kha khá.

Ráp ba cái đạo trên đây với cái “ đạo cộng sản ” của cậu Tư tôi và cái “ đạo Khổng ” của cha tôi, nếu tạm gọi cả hai thứ sau là đạo, thì nhà tôi có đến năm thứ đạo sống chung, mà thương nhau còn không hết, chứ có ai thù ai giết ai đâu !

Tất nhiên là tôi không đem mấy câu vần lẩn của con nít vùng tôi ra nói trong hội thảo, nhưng tôi khẳng định cả năm thứ “ đạo ” nói trên không chỉ tồn tại trong nhà tôi, mà trong nhiều, rất nhiều nhà Việt Nam. Bởi tôi tin nhân ái, bao dung là nét đặc thù của văn hóa dân tộc. Và dân tộc, như con người, chỉ vẹn toàn, hoàn hảo khi chấp nhận phần bổ sung của người khác. Và nhường nhịn nhau. Như từ khi mới nở từ một bọc, với năm mươi con lên rừng, năm mươi con xuống biển...

Tôi sanh ra không biết đạo Công giáo là gì, và cho tới bây giờ vẫn còn tìm hiểu. Cha tôi sanh ra không biết ông Khổng là ông nào. Cậu Tư tôi không là người cộng sản khi lọt lòng bà ngoại tôi. Mẹ tôi, cậu Hai tôi cũng không là người theo đạo Phật hay Cao Đài khi chào đời. Ông cha tôi nhiều đời, và nhiều người Việt Nam khác cũng vậy, tôi chắc chỉ theo đạo ông bà, đạo tổ tiên là chính. Và tổ tiên, được biết, đã có thời coi ba bốn thứ đạo là đồng nguyên và đều thờ kính như nhau... Và tôi tin nhiều đời tổ tiên tôi, tổ tiên người Việt Nam, đã có được cái di sản ngày nay để lại cho con cháu và nhiều đời con cháu mai sau sẽ mãi mãi làm cho nhiều lần phong phú hơn, là nhờ luôn biết nhìn nhận nhau, nhìn nhận cái hay cái khác trong người khác và trong văn hóa, tư tưởng, tín ngưỡng tôn giáo khác, chớ không phải trong loại trừ nhau. Loại trừ nhau là làm nghèo chính mình và sau cùng là tự loại mình. Bởi tự bản chất con người không thể sống đơn độc, hay cả độc tôn mà tồn tại mãi được...

Để nói chuyện hòa giải hòa hợp, tôi đem rắp ông cậu cộng sản của tôi với mấy ông đạo. Cậu Tư tôi mà nghe được, nếu ông còn sống đến ngày cầm quyền, ông có khen tôi hay ông đập bàn? Cái đó, theo tôi nghĩ, là còn tùy tôi nói, tôi viết hay tôi làm. Và còn tùy cậu tôi có dự phần cầm quyền hay không. Bởi có người, nhiều người, khi còn tranh đấu để có quyền thì luôn ca ngợi, kêu gọi đoàn kết. Nhưng khi đã nắm quyền thì thường quên đi dấu cộng mà chỉ nhớ dấu trừ, tuy vẫn hô hào đoàn kết. Càng nắm lâu và muốn nắm quyền lâu thì càng loại trừ nhiều, kể cả chí cốt, đồng minh lâu năm với mình...

Vô thừa nhận ...

Bác Hai tôi gả chị Tư tôi về trên Cống Tượng, làng Hưng Thạnh Mỹ. Nơi đây với làng Tân Hòa Thành của tôi hiện nay là thuộc huyện Tân Phước, Tiền Giang. Chỉ mấy năm trước đây thôi, cả hai làng đều thuộc quận Châu Thành. Về cái quận Châu Thành này, thỉnh thoảng có người hỏi tôi tại sao trong Nam gần như tỉnh nào cũng có? Quận có lịch sử của một tỉnh, nơi có quan đầu tỉnh đóng, thường được gọi là quận Châu Thành.

Làng tôi với Cống Tượng cách nhau chỉ vài cây số đường sông mà hoàn toàn khác xa nhau, nhất là từ đầu thập niên 1960. Dưới tôi thanh niên hầu hết đi lính cho “quốc gia”, trên đó thì hết ráo là theo Việt cộng. Chỗ cậu Hai tôi trên Dương Hòa còn gần hơn, chừng hú một tiếng cũng nghe, mà cũng vậy. Còn đập phá mô hay đào lấp đường thì thường là được huy động làm chung, ai huy động là tùy ban đêm hay ban ngày. Nhưng ban đêm thì thường là để đắp, còn ban ngày là để phá. Như vậy thì đắp hay phá cũng đều cùng một “tác giả tập thể dân đen”. Nếu phá mô lỡ bị cụt tay hay cụt giò vì mình nổ thì bên nào... thừa nhận... thật tình tôi không biết. Thừa nhận ở đây là thừa nhận cái thương tích, cái tay cụt cái chân cụt, để có chính sách đối xử. Chớ không phải thừa nhận trái mình. Nhưng cái kia nó lại lồi theo cái này. Nhìn nhận vết thương thì phải nhìn nhận trái mình. Việc tưởng chừng như dễ nhưng không dễ: cần xác định nó được đặt ban đêm hay phá ban ngày. Đặt ban đêm thì nhất định trái mình là của phía bên kia rồi. Và người huy động đi đặt cũng không thể thuộc phía bên này. Còn huy động đi phá thì rõ ràng là không thể là người của phía bên kia. Nhưng khi đã xác định được chủ sở hữu của trái mình và trách nhiệm của ai huy động, thì không phải là đã hết vấn đề. Vấn đề sau rốt là người đặt mìn ban đêm và người phá mô ban ngày làm mình nổ thường khi chỉ là một! Vậy thì trách nhiệm sau cùng thuộc về anh ta: anh đi đặt rồi anh đi phá, làm nó nổ, thì anh rán chịu! Và cái vòng lẩn quẩn lại tái diễn...

Tôi được biết có một anh mất vợ trong chiến tranh lại bị cụt hết hai chân gần tới háng. Vì mình. Mà còn sống. Và còn... mấy đứa con dại. Để bắt cá nuôi con, anh chờ nước ròng, lưng đeo giỏ, tay xách nôm, một đầu dây cột eo ếch, đầu kia cột gốc dừa, anh lặn tùm xuống rạch... quậy bùn làm vui.

Con gái chị tôi

Chị Tư con bác Hai tôi con cái một bầy mà lần lượt chúng “ra đi” gần hết, trong chiến tranh! Đến giờ còn lại một người con gái duy nhất, mấy năm rồi được phong danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

Về quê tảo mộ ông bà hằng năm, nhân gặp đông đủ dòng họ, tôi muốn nói với bà mẹ Việt Nam anh hùng “ của chúng tôi ” thử đứng ra đề nghị lấy một ngày nào đó, hoặc đổi ngày các bà mẹ Việt Nam anh hùng, nếu có, làm “ ngày các bà mẹ Việt Nam ” nói chung, rồi sau đó thử đề nghị lấy một ngày nào đó làm ngày các người cha. Nhưng mấy lần đều thôi, không nói.

Tôi muốn nói, là vì bà mẹ cùng các em gái đã chết của bà mẹ Việt Nam anh hùng “ của chúng tôi ” cũng không khác gì bà này, và không thể tách riêng bà này ra khỏi các bà kia. Tôi muốn nói, vì điều đó phù hợp với câu cửa miệng “ Việt Nam ra ngõ gặp anh hùng ”, cho nên, nếu “ bình thường hóa quan hệ ” giữa các bà mẹ Việt Nam với nhau thì cũng không có gì là quá đáng. Tôi muốn nói, vì ngày các bà mẹ Việt Nam nói chung, do một bà mẹ Việt Nam anh hùng đề xuất thì thật là tuyệt, không ai nỡ rầy rà một cử chỉ nghiêng mình “ hòa mạng ”, mời gọi mọi người bình thường cùng ghé vai nâng cao đất nước ngang tầm với thời đại mới, sánh vai với nhiều nước tuy có ít “ anh hùng ”, nhưng cũng không thiếu huy hoàng. Một Ngày các bà mẹ, một Ngày các người cha, để cho những người con dù già dù trẻ, một năm một lần tôn vinh những người mẹ, những người cha đang sống thật bình thường mà cũng thật xứng đáng của họ. Tôi muốn nói, bởi vì ông bà Việt Nam đã từng nói : “ giặc đến nhà đàn bà phải đánh ”, có vậy thôi, và ai cũng vậy thôi.

Nhưng tôi không nói. Bởi vì tôi không biết tất cả các “ ông ba mươi ” của nội ngoại dòng nhà tôi, mà rất tiếc bây giờ tôi không thể “ tham khảo ” được nữa, có đồng cảm hay rầy rà gì không. “ Đồng cảm ” vì nhớ lại cái thời hễ gặp khó khăn, và khó khăn là muôn vàn, thì hô hào mọi người ủng hộ, không phân biệt một ai... Còn “ rầy rà ”, là vì mỗi thời mỗi khác, và không chiến thắng nào mà không có phe này phe khác, không thể lẫn lộn... Và trước hết là vì tôi không biết liệu bà mẹ Việt Nam anh hùng “ của chúng tôi ”, vốn đã nghẽn ngãng rồi, có đồng cảm với tôi mà chịu đứng ra đề nghị như vậy hay không. Dù sao tôi cũng mừng thấy hai vợ chồng già – lúc chồng bà còn sống – từ khi bà được công nhận bà mẹ Việt Nam anh hùng, không còn phải còng lưng đơm độm suốt ngày như trước đây để kiếm vài ngàn đồng lây lất sống chờ ngày theo ông theo bà và các con cháu...

Chị Tư tôi tên Hồ Thị Trong, mất năm 1963. Con gái chị tôi là Trần Thị Khuê, sinh năm 1919, ở ấp Hưng Điền, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, được phong “ bà mẹ Việt Nam anh hùng ” ngày 17-12-1994. Các em gái bà, tất cả đều chết vì bom đạn, đều có con là liệt sĩ, nhưng không đạt “ chỉ tiêu ”... Cậu Hai tôi cũng không đạt “ tiêu chuẩn ” vì chỉ có một người “ con một ” là liệt sĩ, cậu lại là một ông già góa vợ, không có hay chưa có chính sách phong tặng người cha anh hùng... Chị ba tôi cũng “ cúng hết ...ba tháng ” – chung trên một bàn thờ – mà không bắt buộc chúng phải nằm chung một chiến hào...

Thương mẹ vô cùng

Mẹ lại đột ngột một mình mò lên Saigon thăm tôi, một ngày sau 30 tháng Tư năm 1975. Thái độ cũng khác thường : hết đi ra đi vô trông ngóng, không nói không rằng, rồi lại nằm quay mặt vô vách, tay gác trán thờ dài. Cái gì nữa đây ! Việt cộng bây giờ tràn đồng, tôi có cần về quê để gặp nữa đâu mà mẹ sợ ? Năn nỉ nhiều lần mẹ mới chịu nói, mà cũng thì thầm, như sợ có ai nghe : “ Cậu Tư mây sắp về ! ”... Tôi nghe mà chết điếng cả người, thương mẹ tôi vô cùng ! Một bà già không biết sắp chữ AB, không hề xía vô chuyện của đàn ông, cũng không một lần, trong mấy chục năm, hé răng nhắc đến người em mất tích, bỗng nói như mơ về ngày trở về của em trai mình, khi xóm làng rộn ràng không khí đại sum họp. Một đồn nén trường kỳ thật khủng khiếp bên trong lồng ngực còm nhom khô cằn của mẹ. Mẹ tin cậu tôi đã bị đày đi Côn Đảo từ năm 1940 và giữ chặt niềm tin ngàn ấy năm trời, không hề thối lộ với bất cứ ai... Mẹ thì thầm vì sợ có ai nghe, như hồi nào mẹ sợ cho đứa con trai duy nhất của mẹ, hay mẹ sợ giấc mơ tan biến khi mẹ nói lên thành tiếng ? Phải vài ngày sau tôi mới tìm được dịp nói lại chuyện cậu Sáu tôi kể về cậu Tư tôi bị Tây bắt ở chợ Bung và bị đưa đi xử bắn ở Đức Hòa, Hậu Nghĩa, cùng với mấy người khác ! Cậu Tám tôi, hiện còn sống, cũng xác nhận.

Thình thoảng về quê ngang xã Tân Lý Tây quê ngoại, tôi thấy mấy con đường làng bây giờ đều có mang tên. Cho xe đi chậm chậm thử tìm, tôi không thấy “ Xiên, Xà ” gì hết. Câu chuyện về một “ ông ba mươi ” có tên là Tư Xiên, làm nghề xắt thuốc lá mướn của tôi như vậy là do tôi tưởng tượng ?

Hay là cuộc thế xoay vần, chỉ mấy mươi năm cũng đủ cho những lâu đài thành quách vùi sâu trong lòng đất ? Như nào ai có biết một trong những mảnh đất “ Ba Giồng ” toàn cát quê tôi tại sao lại nổi lên và nổi lên tự bao giờ giữa một vùng mênh mông đất thịt chua phèn !

Một người tù giả

Nhưng cậu Tư tôi, “ ông cậu Ba Mười ” của tôi quả thật là người tù thứ hai trong đời tôi, tù của Tây. Sau người tù thứ nhất là cha tôi, tù của Việt Minh rồi của ông Diệm. Và tôi hy vọng người tù thứ ba, một người “ tù giả ”, thế hệ thứ hai sau mấy ông Ba Mười, có thể làm chúng.

Sau năm 1945, có một ông anh bà con đến ở chung nhà với tôi ở Mỹ Tho, để đi học trường Collège Le Myre de Villers, sau này là Trung học Nguyễn Đình Chiểu. Còn tôi thì học trường Thầy Dòng. Một chiếc ghé bố có khi là chỗ ngủ chung của hai đứa lúc nhà có đông khách. Đến kỳ nghỉ hè, anh tôi về nhà cha mẹ ở xã Tân Hội Đông, còn tôi về với mẹ, khi cha tôi làm cai tổng ở Tân Hiệp. Một sáng sớm, đang nằm “ nường ” trong phòng mẹ, tôi mơ màng nghe tiếng bác gái, mẹ ông anh tôi, đang nói chuyện với cha tôi ngoài phòng khách. Bà từ làng đến và buồn rầu kể về việc “ thằng Mừng về nghỉ hè hồi đêm bị “ mấy ông ” bắt dẫn đi mất ! ”. Mừng là tên thường gọi của anh tôi. Từng ngủ chung mừng với anh Mừng, tôi biết “ mấy ông ” là để chỉ mấy ông “ Việt Minh ” và “ bị bắt ” là để tránh tiếng “ đi vô khu ”, cho người nhà khỏi bị liên lụy. Tôi không nghĩ cha tôi tin theo lời kể của bà bác tôi và thật sự không biết gì. Bởi thời đó không thiếu gì những thanh niên “ xếp bút nghiên ” đi vô khu theo kháng chiến, trong khi ở nhà thì cứ đổ cho Việt Minh đến bắt. Tôi nói ông anh tôi là một người “ tù giả ” một phần là vì vậy, phần còn lại là vì mấy ông làng, mấy ông lính hồi đó cũng già đò, làm ngơ, coi như ông anh tôi đã bị Việt Minh bắt đi thật. Bởi mấy ông làng mấy ông lính thời đó cũng không thiếu những họ hàng thân thích “ bị bắt ” đi vô khu...

Khi tôi ra Hà Nội năm 1975, anh Mừng của tôi đang làm giám đốc Sở Điện lực Hà Bắc. Khi về lại miền Nam, anh làm giám đốc Sở Truyền Tải Điện, trụ sở ở Thủ Đức, cho tới ngày nghỉ hưu, cách đây hơn mười năm.

Tên chánh thức của anh là Phạm Nam Chí, quê ở xã Tân Hội Đông. Đứng ở cái xã ông cậu “ ba mươi ” của tôi đã chặn đầu chiếc xe ngựa đưa mẹ và chị em tôi đi “ tỵ nạn ” khi ông làm “ cộng sản dậy ” hồi năm 1940. Thế sự xoay vần, Phạm Nam Chí là cậu ruột của dân biểu Lê Tấn Trọng, hiện ở San Diego, Hoa Kỳ, cũng gọi tôi bằng cậu. Thế sự xoay vần, anh cũng là bác vợ của một anh bạn học cũ của tôi, đương kim chủ tịch Liên Hiệp các Hội Khoa Học và Kỹ Thuật thành phố Hồ Chí Minh, giáo sư tiến sĩ Chu Phạm Ngọc Sơn.

“ Có lý lịch rõ ràng ” là một yêu cầu “ sinh tử ” của thời này. Trong trường hợp của tôi là để có “ người thật việc thật ” làm chứng, tôi đành phụ lòng “ ai đó ”, nếu có gây phiền, khi phải “ thành thật khai báo ” đôi điều như trên...